Name: …….
Class: S6
Tel: 034.200.9294
Ngày GV giao bài: Thứ ….., ngày …../…..
Ngày HS nộp bài: Thứ ….., ngày …../…..

StarLink

Grammar: ……..……
Writing: …..……..……
Listening: …..…..……
Mini Test: ……...

GLOBAL ENGLISH 6

UNIT 3: LIVING THINGS - GRAMMAR 1 & PET WRITING

❖ **Lưu ý 1:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé.

❖ **Lưu ý 2**: Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.

A. GRAMMAR

1. Mệnh đề quan hệ (Relative Clause): là mệnh đề phụ được nối với mệnh đề chính bởi các **đại từ quan hệ (who, whom, which, that, etc.)** hoặc **trạng từ quan hệ (when, where, etc.)**, đứng sau danh từ / đại từ và bổ nghĩa cho danh từ/ đại từ đó.

2. Mệnh đề quan hệ xác định (Defining Relative Clause): là mệnh đề cung cấp những thông tin quan trọng cần thiết để xác định danh từ hoặc cụm danh từ đứng trước. Nếu không có mệnh đề này thì câu sẽ không đủ nghĩa. Mệnh đề này được dùng khi danh từ được thay thế chưa xác định, chưa rõ, và ta không dùng dấu phẩy ngăn cách nó với mệnh đề chính.

WHICH — đại từ quan hệ **chỉ vật,** theo sau which có thể là một động từ hoặc một chủ ngữ.

- *The hat **which** is red is mine. (Cái mũ màu đỏ là của tôi.)*

WHO — đại từ quan hệ **chỉ người**, theo sau who có thể là một động từ hoặc một chủ ngữ.

- *The man **who** is sitting by the fireplace is my father. (Người đàn ông ngồi cạnh lò sưởi là ba của tôi.)*

THAT — đại từ quan hệ **chỉ cả người lẫn vật**, có thể sử dụng để thay thế cho who, whom và which trong mệnh đề quan hệ xác định.

- *The man **that** works in this shop is Tim's father. (Người đàn ông mà làm việc ở cửa hàng này là bố của Tim.)*

WHOSE — đại từ quan hệ **chỉ sở hữu cho danh từ chỉ vật hoặc người**, thường thay thế cho các tính từ sở hữu

- *She's the student **whose** handwriting is the best in my class. (Cô ấy là học sinh mà chữ viết tay của cô đẹp nhất lớp tôi.)*

WHOM — đại từ quan hệ **chỉ người,** theo sau whom là một chủ ngữ.

- *The boy **whom** we met at the party is Jill's cousin. (Cậu bé mà ta gặp ở bữa tiệc là em họ của Jill.)*

WHERE — trạng từ quan hệ thay thế cho (cụm) danh từ **chỉ nơi chốn, địa điểm**.

- *The hotel **where** we stayed wasn't very clean. (Khách sạn nơi chúng tôi ở không được sạch lắm.)*

WHEN — trạng từ quan hệ thay thế cho cụm từ / từ **chỉ thời gian**.

- *That was the day **when** I met Charles. (Đó là ngày mà tôi gặp Charles.)*

LIVEWORKSHEETS

B. EXTRA VOCABULARY

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	**cemetery** (n)	nghĩa trang	4	**pacifist** (n)	người theo chủ nghĩa hòa bình
2	**fine** (v)	phạt	5	**orphan** (n)	trẻ mồ côi
3	**bury** (v)	chôn cất	6	**fire practice**	diễn tập phòng cháy

❖ **Note :** n = noun: danh từ, v = verb: động từ

❖ **Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép vào vở mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.**

C. HOMEWORK

Exercise 1: Complete the sentences. Choose phrases from the box and make DEFINING RELATIVE CLAUSES

~~***makes furniture***~~	**were hanging on the wall**	**runs away from home**
gives you the meaning of words	**stole my wallet**	**cannot be explained**

0. Helen works for a company _____ ***that makes furniture*** _____.

1. The book is about a girl _____.
2. What happened to the pictures _____?
3. A mystery is something _____.
4. The police have arrested the man _____.
5. A dictionary is a book _____.

Exercise 2: Circle the correct answer

0. The bus _____ goes to the airport runs every half hour.

(A.) *which* *B. when* *C. who*

1. Summer is the season _____ I'm happiest.

A. when B. whose C. whom

2. I have recently gone back to the small town _____ I grew up.

A. where B. which C. when

3. The waitress _____ served us was impolite and impatient.

A. whom B. which C. who

4. He bought all the books _____ are needed for the next exam.

A. who B. that C. whose

5. Do you know the boy _____ we met at the party last week?

A. who is B. whose C. whom

Exercise 3: Are these sentences right or wrong? Circle the mistakes and correct them, write "OK" if the sentence is correct

0. I don't like stories (who) have unhappy endings. → ___***which/that***_____

1. What was the name of the person who phoned? → _____
2. Where's the nearest shop who sells bread? → _____

LIVEWORKSHEETS

3. The driver which caused the accident was fined $500. → _____

4. Do you know the person that took these pictures? → _____

5. What was the name of the horse it won the race? → _____

Exercise 4: Match to make meaningful sentences

~~***0. I met a man***~~	~~***a. who knows you.***~~
1. I sent an email to	b. is in front of my house fell down.
2. The girl whom we	c. when we first met each other?
3. The old building which	d. my brother that lives in Australia.
4. Do you remember the time	e. whose first language is not English.
5. This school is only for children	f. met at the party is a singer.

0- a	1-	2-	3-	4-	5-

Exercise 5: Fill in the blanks with WHO, WHOM, WHOSE, WHERE

0. What's the name of the man ___***whose***___ *car you borrowed?*

1. A cemetery is a place _____ dead people are buried.

2. A pacifist is a person _____ believes that all wars are wrong.

3. An orphan is a child _____ parents are dead.

4. George is a person _____ I admire very much.

5. The place _____ we spent our holidays was really beautiful.

Exercise 6: Circle the correct answer

0. If I go to school late, my teacher ***will / won't / would*** *be angry.*

1. Unless he **finishes / finish / will finish** his meal, he won't go out with his friends.

2. Should it **isn't / not is / not be** rainy this afternoon, she will go swimming.

3. If we have free time tonight, we **want / will / could** go to the cinema.

4. Should she forget the meeting, I **will remind / remind / need to remind** her.

5. Unless we **worked / works / work** hard, we won't finish the project on time.

LIVEWORKSHEETS

D. WRITING

PART 2

*Choose **one** of these questions.*
*Write your answer in about **100 words**.*

Question 2

You see this notice in your school English-language magazine.

Articles wanted!

Travel

Write an article telling us which form of transport is the nicest way to travel and why. Why do people in cities choose to go by train instead of driving?
The best article answering these questions will be published next month.

Write your **article**.

Question 2 WRITING TUTOR

Writing Ideas

- Ask yourself which type of transport you prefer and why. Think about what sort of problems you can have, or why you would not enjoy a journey.
- Think about the different ways of travelling in a city.
- Think about what sort of problems you can have travelling in a city.
- Think about why it is better to use another means of transport (train) in the city instead of a car.
- Maybe use words and phrases like: *difficult to park, quick and easy, no stress, relax and read a book, talk to other passengers*

Suggested Structure

- **Paragraph 1** - Start the article saying which type of transport you prefer and why.
- **Paragraph 2** - Say why it is good to use the train in a city instead of a car.
- **Paragraph 3** - Say what you can do while you are on it.
- **Paragraph 4** - Finish the article with a closing sentence.

LIVEWORKSHEETS

Con làm bài nghe theo link sau: https://www.youtube.com/watch?v=VieD8Knup5o

PART 2 Questions 6-10

For each question, write the correct answer in the gap. Write ONE WORD or a number or a date or a time.

You will hear a manager talking to his colleagues about fire practice.

Fire practice	
When:	*Tomorrow*
Don't:	**(6)** .....
Go to the closest:	fire **(7)** .....
Get out of the:	**(8)** .....
Meeting point for 2nd floor:	the **(9)** .....
Time practice ends:	**(10)** .....

LIVEWORKSHEETS